

Số: **563** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **17** tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật nạo vét lòng hồ
Hồ chứa nước Ông Tới, xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của UBND huyện Mộ Đức tại Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 20/02/2020; đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 839/SNNPTNT ngày 06/4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án kỹ thuật nạo vét lòng hồ Hồ chứa nước Ông Tới, xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên phương án kỹ thuật: Nạo vét lòng hồ Hồ chứa nước Ông Tới, xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức.

2. Địa điểm thực hiện: Hồ chứa nước Ông Tới, xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Mục đích nạo vét: Giảm lượng cát, đất bồi lấp trong lòng hồ, tăng dung tích trữ nước; kết hợp thu hồi cát, đất dư thừa trong quá trình nạo vét lòng hồ để san lấp, xây dựng các công trình trên địa bàn huyện Mộ Đức.

4. Quy mô, các thông số nạo vét lòng hồ:

- Diện tích nạo vét: 68.779 m² (6,87 ha).

- Khối lượng nạo vét: 97.000 m³.

- Chiều sâu nạo vét lớn nhất 2,85m; cao trình đáy sau khi nạo vét: +17,15m.

- Phạm vi khu vực nạo vét lòng hồ không chế bởi các điểm có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000) như sau:

Điểm mốc không chế	Tọa độ		Điểm mốc không chế	Tọa độ	
	X	Y		X	Y
M1	1648398.45	594200.149	M17	1648345.029	594441.118
M2	1648469.609	594251.465	M18	1648342.374	594451.133
M3	1648480.335	594252.228	M19	1648320.241	594453.484
M4	1648498.385	594343.185	M20	1648310.026	594463.613
M5	1648461.941	594351.279	M21	1648274.911	594471.007
M6	1648464.565	594371.368	M22	1648267.608	594480.991
M7	1648503.129	594363.008	M23	1648257.69	594490.581
M8	1648505.352	594372.077	M24	1648252.435	594510.849
M9	1648489.706	594380.304	M25	1648244.601	594531.073
M10	1648459.819	594383.266	M26	1648245.222	594570.162
M11	1648449.671	594388.641	M27	1648241.579	594576.986
M12	1648419.919	594388.206	M28	1648208.64	594582.900
M13	1648399.938	594413.497	M29	1648157.817	594475.248
M14	1648389.923	594428.514	M30	1648157.77	594427.076
M15	1648370.340	594433.566	M31	1648133.706	594335.806
M16	1648360.058	594429.312	M32	1648203.325	594311.896

5. Nguồn kinh phí thực hiện: UBND huyện Mộ Đức sử dụng nguồn kinh phí từ tận dụng cát, đất nạo vét trong lòng hồ để thực hiện.

6. Tổng kinh phí nạo vét: **3.799.390.000** đồng (*Ba tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí và quản lý chi phí nạo vét theo quy định bảo đảm chính xác, tiết kiệm.

7. Thời gian thực hiện: 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

8. Chủ đầu tư (cơ quan tổ chức thực hiện): UBND huyện Mộ Đức.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chi phí nạo vét theo quy định bảo đảm chính xác, tiết kiệm. Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, thiết bị và kế hoạch khai thác

khoáng sản và thực hiện việc kê khai, tính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định phương án kỹ thuật nạo vét tại Báo cáo số 839/SNNPTNT ngày 06/4/2020.

3. Trước khi tổ chức thi công nạo vét lòng hồ, phải tổ chức họp, thông tin rộng rãi đến chính quyền và Nhân dân địa phương về mục tiêu, phạm vi, quy mô và biện pháp nạo vét,.... lòng hồ chứa nước Ông Tới để chính quyền địa phương, Nhân dân trong vùng biết, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai nạo vét lòng hồ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Chủ tịch UBND xã Đức Lân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc161).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính